

VÙNG ĐẤT AN GIANG TRONG CHIẾN LƯỢC GIỮ VỮNG AN NINH BIÊN GIỚI THỜI VUA MINH MẠNG

NGUYỄN ĐÌNH CƠ*

Bài viết phân tích làm rõ vị trí quan trọng của vùng đất An Giang trong chính sách giữ vững an ninh biên giới phía Tây, Tây Nam dưới thời vua Minh Mạng (1820-1841). Tiếp nối những chính sách của tiên đế Gia Long, vua Minh Mạng đẩy mạnh hơn nữa việc củng cố phòng thủ ở An Giang, xây dựng nơi này thành hậu cứ của Trấn Tây thành, sẵn sàng tiếp viện cho tỉnh Hà Tiên khi cần nhằm giữ vững an ninh biên giới thời kỳ này.

Từ khóa: An Giang, vua Minh Mạng, đầu thế kỷ XIX, Đại Nam

Nhận bài ngày: 07/3/2023; *đưa vào biên tập:* 10/3/2023; *phản biện:* 30/3/2023; *duyệt đăng:* 10/5/2023

1. DẪN NHẬP

Kể từ khi được sáp nhập vào lãnh thổ Đàng Trong, vùng đất An Giang trở thành mắt xích trọng yếu trong việc bảo vệ chủ quyền ở vùng biên viễn phía Tây thời chúa Nguyễn (thế kỷ XVIII), cũng như thời vua Nguyễn (đầu thế kỷ XIX). Thời kỳ này các chúa Nguyễn đã có nhiều chính sách vừa khuyến khích lưu dân khai phá lập làng xóm đồng thời vừa bảo vệ vùng đất này, vì trước đó, đất An Giang còn hoang hóa, rất ít dân cư. Để bảo vệ vùng đất biên viễn, chúa

Nguyễn đã cho xây dựng nhiều đồn bảo, cử quân đội đồn trú để bảo vệ lưu dân, kể cả tham gia trực tiếp vào việc khai hoang mở rộng diện tích. Sang đầu thế kỷ XIX, các vị vua đầu nhà Nguyễn đã có sự quan tâm đặc biệt đối với vùng Châu Đốc tân cương (sau là tỉnh An Giang). Vùng đất biên viễn này có vai trò quan trọng đặc biệt không chỉ trong chiến lược bảo vệ lãnh thổ đất nước mà còn trong chiến lược giữ thế cân bằng ở khu vực.

2. VÀI NÉT VỀ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH AN GIANG TỪ THẾ KỶ XVII ĐẾN THỜI VUA MINH MẠNG

Trước thế kỷ XVII, An Giang là vùng đất Tầm Phong Long, phần lớn đất đai

* Trường Đại học Công nghệ TPHCM (HUTECH)

ở đây còn rất hoang vu. Năm 1757, được sáp nhập vào lãnh thổ Đàng Trong, Chúa Nguyễn Phúc Khoát đã cho đặt đạo Đông Khẩu tại Sa Đéc, đạo Tân Châu ở Tiền Giang, đạo Châu Đốc ở Hậu Giang, lấy quân dinh Long Hồ lên đóng ở các đạo để trấn giữ⁽¹⁾. Trong bộ tổng quan *Vùng đất Nam Bộ - Quá trình hình thành và phát triển* Phan Huy Lê (2017: 485) viết: Tầm Phong Long “bao gồm một không gian rộng lớn kéo dài từ biên giới Việt Nam - Campuchia chạy dọc theo sông Tiền và sông Hậu tới Trà Vinh (Trà Vinh) và Ba Thắc (Sóc Trăng và Bạc Liêu); bề ngang từ Hà Tiên sang đất Tầm Bôn (Tân An) và từ Ba Thắc đến Tầm Bào (Vĩnh Long), Trấn Giang (Cần Thơ)”.

Với địa giới được xác định như vậy, vùng đất này về hình thể như một tam giác ngược với cạnh đáy là đường biên giới Việt Nam - Campuchia ngày nay và hai cạnh bên từ hai tỉnh An Giang và Đồng Tháp kéo dài đến đỉnh là vùng tiếp giáp giữa Vĩnh Long với Trà Vinh (Đỗ Kim Trường, 2022: 153).

Năm 1779, Nguyễn vương ra lệnh vẽ địa đồ phân chia thêm bớt địa giới 3 dinh: Trấn Biên, Phiên Trấn và Long Hồ cho được liền nhau (Trịnh Hoài Đức, 2019: 292). Cũng thời gian trên, Vương cũng đã cho đổi tên dinh Long Hồ thành dinh Hoằng Trấn, đặt lỵ sở ở nơi nay tục gọi là bãi Bà Lúa, đến năm 1780, dời về thôn Long Hồ và đổi tên là dinh Vĩnh Trấn (Trịnh Hoài Đức, 2019: 377). Vùng đất An Giang lúc này thuộc quản lý của dinh Vĩnh Trấn.

Năm 1802, nhà Nguyễn thiết lập một thiết chế thống nhất từ Bắc đến Nam. Vùng đất Nam Bộ nói chung, cũng như An Giang nói riêng đã có bước phát triển mới. Năm 1808, vua Gia Long cho triều thần bàn bạc về việc kinh lý ở Gia Định để gìn giữ bờ cõi cho vững mạnh, đổi Gia Định trấn thành Gia Định thành, dinh Phiên Trấn thành trấn Phiên An, dinh Trấn Biên thành trấn Biên Hòa, dinh Vĩnh Trấn thành trấn Vĩnh Thanh, dinh Trấn Định làm trấn Định Tường (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, tập 1: 716-717). Như vậy, lúc bấy giờ, trấn Gia Định được đổi thành Gia Định thành, và cho cai quản 5 trấn, là: Phiên An, Biên Hòa, Vĩnh Thanh, Định Tường và Hà Tiên (ngũ trấn⁽²⁾). Ở trấn Vĩnh Thanh thì châu Định Viễn được đổi thành phủ Định Viễn, tổng Bình An làm huyện Vĩnh An, tổng Bình Dương làm huyện Vĩnh Bình, tổng Tân An làm huyện Tân An (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002: 716-717). Triều đình còn cho lập Châu Đốc tân cương, đặt chức quản đạo để cai quản, trực thuộc Long Hồ dinh, sau là trấn Vĩnh Thanh (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006: 184). Địa giới của Châu Đốc Tân Cương rất rộng lớn: phía bắc là dòng sông Tiền, phía tây bắc là biên giới Châu Đốc - Campuchia, phía tây nam giáp Hà Tiên, phía đông nam giáp Sa Đéc (Đồng Tháp, Cần Thơ ngày nay). Từ năm 1832, nhà Nguyễn lấy Châu Đốc tân cương thuộc vào tỉnh An Giang (theo Cao Thanh Tân, 2009: 247).

Năm 1832, vua Minh Mạng đặt tỉnh An Giang, chia làm 2 phủ: phủ Tuy Biên coi 2 huyện Tây Xuyên và Phong Phú; phủ Tân Thành coi 2 huyện Đông Xuyên và Vĩnh An. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006: 184) chép: “năm Minh Mệnh thứ 13 lấy đất này [Châu Đốc tân cương – NĐC] cùng với huyện Vĩnh An của tỉnh Vĩnh Long đặt làm hai phủ Tuy Biên và Tân Thành, đặt bốn huyện là Tây Xuyên, Phong Phú, Đông Xuyên và Vĩnh An (Tây Xuyên và Phong Phú thuộc phủ Tuy Biên; Đông Xuyên và Vĩnh An thuộc phủ Tân Thành) lập tỉnh An Giang, đặt chức An Hà Tổng đốc thống lãnh 2 tỉnh An Giang, Hà Tiên; lại đặt hai ty Bố chánh, Án sát”.

Năm 1835, triều đình cho lấy Ba Thắc đặt thêm phủ Ba Xuyên trực thuộc tỉnh An Giang⁽³⁾, quản lý ba huyện Phong Nhiêu, Phong Thạnh và Vĩnh Định (Nguyễn Đình Đầu, 1994: 81). Như vậy lúc này, tỉnh An Giang quản lý 3 phủ: Tuy Biên, Tân Thành và Ba Xuyên. Năm Minh Mạng thứ 17 (1836), nhà Nguyễn lập một đoàn kinh lược sứ đi thanh tra đo đạc đất đai ở các tỉnh Nam Kỳ. Sau cuộc kinh lý, địa bạ được lập; tỉnh An Giang bao gồm 2 phủ (Tân Thành và Tuy Biên)⁽⁴⁾, quản lý 4 huyện, 167 làng (theo Nguyễn Đình Đầu, 1994: 95-97). Năm 1839, vua Minh Mạng tiếp tục đặt thêm huyện An Xuyên thuộc phủ Tân Thành quản lý (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006: 184). Như vậy đến cuối thời vua Minh Mạng, tỉnh An Giang quản 5 huyện, là 1 trong 6 tỉnh của Nam Kỳ.

Đối chiếu địa giới hành chính hiện nay, tỉnh An Giang thời Minh Mạng về mặt địa giới rất rộng lớn bao gồm các tỉnh An Giang, thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang, tỉnh Sóc Trăng và một phần tỉnh Đồng Tháp. Trong đó, tỉnh An Giang hiện tại gần khớp với địa bàn 2 huyện Đông Xuyên và Tây Xuyên, thuộc phủ Tuy Biên xưa (Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, 2013: 20).

3. CHIẾN LƯỢC CỦA VUA MINH MẠNG ĐỐI VỚI VÙNG ĐẤT AN GIANG

An Giang là vùng đất biên viễn, nơi thường xuyên bị các thế lực bên ngoài nhòm ngó nên ngay từ đầu các vị vua Nguyễn đã có nhiều chính sách bảo vệ an ninh vùng biên giới. Dưới thời vua Gia Long (1802-1820), triều đình cho lập đồn Châu Đốc tân cương; hoàn thành kênh Thoại Hà và khởi động công trình kênh Vĩnh Tế với nhiệm vụ thúc đẩy khẩn hoang, giữ gìn an ninh ở khu vực biên giới phía Tây...

Đến thời vua Minh Mạng (1820-1841), sau khi lên ngôi, nhà vua chú ý ổn định tình hình ở Gia Định thành, đặc biệt đối với các địa phương biên viễn như Châu Đốc tân cương (sau này là An Giang). Chiến lược của vua Minh Mạng đối với vùng đất này thể hiện ở những điểm sau.

Trước hết, vua Minh Mạng luôn chọn lựa và bổ nhiệm những viên tướng tài, có uy tín, kinh qua chiến trận để quản lý vùng đất này. Năm 1821, vua Minh Mạng sai Nguyễn Văn Thoại (một

người rất am hiểu và có nhiều đóng góp với vùng đất Châu Đốc) đóng giữ bảo Châu Đốc, đồng thời giữ chức Bảo hộ quốc ấn Chân Lạp, kiêm lý việc biên vụ Hà Tiên. Lời dụ của vị vua thứ hai triều Nguyễn cho thấy vị trí quan trọng của Châu Đốc tân cương: “Châu Đốc là đất xung yếu, người nên khéo phủ dụ, dụ dân buôn lập thành làng mạc để hộ khẩu ngày một tăng, đồng ruộng ngày mở mang. Còn việc biên phòng cũng phải cẩn thận” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2: 123). Ngoài ra, vua Minh Mạng còn: “sai Vệ úy vệ Trung bảo nhị là Nguyễn Văn Trượng quản năm cơ tòng thành Gia Định và 450 người binh Uy viễn đến bảo Châu Đốc theo án thủ Nguyễn Văn Thụy đóng thú” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2: 301). Năm 1832, vua “cho Tham tri lãnh Hộ tào Gia Định Ngô Ban Nhơn bảo hộ Chân Lạp, giữ đồn Châu Đốc, kiêm lãnh việc biên trấn Hà Tiên” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2005: 112). Tháng 10/1832, vua Minh Mạng tiến hành chia đặt lại địa giới hành chính từ Quảng Nam vào Gia Định, đổi ngũ trấn ở Nam Bộ thành lục tỉnh. Tỉnh An Giang chính thức được thành lập, là 1 tỉnh trọng yếu trong chiến lược bảo vệ vùng đất Nam Kỳ lục tỉnh của vua Minh Mạng. Điều này được thể hiện rõ trong lời bàn của triều thần tâu lên vua Minh Mạng vào năm 1832: “... Một hạt Gia Định, gần thì liền đất với Chân Lạp là thuộc quốc, xa thì lân cận với Xiêm La là láng giềng, mà đất Châu Đốc lại là nơi rất

xung yếu. Nhưng dân cư chưa được đông đúc, địa lợi chưa được mở mang, gần đây có Vĩnh Long đất rộng, dân giàu, hơn cả mọi mặt. Vậy xin tách lấy 2 huyện Vĩnh An và Vĩnh Định⁽⁵⁾, thuộc Vĩnh Long, gộp với đất Châu Đốc lập thành tỉnh An Giang; đặt một viên Tổng đốc đại thần kiêm lĩnh quả ấn bảo hộ nước Chân Lạp” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 393). Vua Minh Mạng cử nguyên Tổng đốc Sơn Tây là Lê Đại Cương làm Tổng đốc An Hà, kiêm lãnh ấn bảo hộ Chân Lạp; Ngô Bá Nhân làm Tuần phủ, nguyên Án sát Thanh Hoa Nguyễn Văn Bính làm Bố chính; nguyên Lang trung bộ Hình Bùi Văn Lý làm Án sát; nguyên Tổng đốc Quảng Ngãi làm Lãnh binh (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 147-149). Cũng theo Choi Byung Wook (2011: 147) trong lục tỉnh Nam Kỳ năm 1832 chỉ có tỉnh An Giang có quan Tuần phủ. Thông qua việc sắp xếp nhân sự có thể thấy vùng đất An Giang ở vị trí đặc biệt trong chiến lược bảo vệ biên giới phía tây Đại Nam và cân bằng quyền lực trong khu vực của vua Minh Mạng.

Một công việc rất hệ trọng là vua Minh Mạng hoàn thành việc đào kênh Vĩnh Tế, sự nghiệp còn dang dở của vua cha. Hai năm sau khi lên ngôi (1822), vua Minh Mạng đã ra lệnh cho Tổng trấn Gia Định thành là Lê Văn Duyệt huy động thêm nhiều dân binh ở đồn Uy Viễn, Vĩnh Thanh, Định Tường chia làm 3 phiên, đào hàng triệu mét khối đất đá bằng các dụng cụ thô sơ

(Quốc sử quán triều Nguyễn, 2005: 116). Vua dụ rằng: “Đường sông Vĩnh Tế nối liền với một lộ tân cương, xe thuyền được lợi nhiều. Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng đế ta mưu sâu tính kỹ, để ý đến việc biên cương, buổi đầu đã một lần đào, công việc chưa xong. Trẫm noi gương chí trước, dốc làm sao cho một lần khó nhọc để thông thả lâu dài...” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 2: 239). Đến năm Minh Mạng thứ 5 (1824), triều đình huy động lực lượng hoàn thành công trình, “lại đào sông Vĩnh Tế (năm ngoái còn lại 1.700 trượng, nay lại đào đến tháng 5 mới xong, dựng bia làm ghi) (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2005: 134). Theo *Đại Nam nhất thống chí*: “Sông mới đào dài 105 dặm rưỡi, tiếp với sông cũ đến cửa biển Hà Tiên, cộng 250 dặm rưỡi. Từ đây đường sông mới thông, việc biên phòng và việc buôn bán đều được hưởng mỗi lợi vô cùng” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006: 207). Có thể thấy kênh Vĩnh Tế là một công trình kỳ vĩ thể hiện sự sáng tạo, năng lực lao động của người dân Đại Nam, cũng như tầm nhìn sáng suốt của 2 vị vua đầu triều Nguyễn trong chiến lược khai khẩn và bảo vệ an ninh ở vùng đất Tây Nam Kỳ. Sau khi được khai thông, kênh Vĩnh Tế đã giúp thau chua rửa phèn vùng đất màu mỡ bên sông Hậu, từ đây một làn sóng di dân đông đảo từ Gia Định, Định Tường xuống, từ Hà Tiên lên định cư dọc theo hai bên bờ kênh ngày càng đông đảo. Và cũng từ đây việc cơ động lực lượng, vận chuyển binh mã và quân lương từ

Châu Đốc đến vịnh Xiêm La không phải đi vòng ra biển mỗi khi Hà Tiên, Rạch Giá bị xâm lăng bất ngờ. Việc khai thông kênh Vĩnh Tế làm cho tình hình an ninh biên giới yên bình hơn, giảm nhẹ công việc của những viên quan trấn thủ và quân đội ở vùng biên. Kênh Vĩnh Tế thực sự đã trở thành một hào lũy phân ranh biên giới rất đặc dụng cho triều Nguyễn trong việc quản lý chủ quyền lãnh thổ Tây Nam và đánh giặc ngoại xâm từ phía Tây (theo Cao Thanh Tân, 2009: 298-299). Sau khi kênh Vĩnh Tế hoàn thành, đường sông đã nối thẳng từ Châu Đốc xuống Hà Tiên và chỉ gập khúc ở một vài đoạn nương theo đường biên giới. Việc đào kênh Vĩnh Tế dù là chủ trương từ thời vua Gia Long, nhưng thực hiện chủ yếu dưới thời vua Minh Mạng, là một mắt xích quan trọng trong chiến lược bảo vệ, giữ vững an ninh vùng biên ải phía tây Đại Nam của triều đình Huế. Thủy lộ của con kênh này (sử nhà Nguyễn gọi là sông Vĩnh Tế) thúc đẩy khẩn hoang từ Châu Đốc cho tới Hà Tiên, vận chuyển hàng hóa, vận chuyển quân, lương thảo, đặc biệt trong cuộc chiến chống lại sự tấn công của quân Xiêm vào Nam Kỳ năm 1833-1834. Với ý nghĩa quan trọng như vậy, năm 1835 khi Cửu đỉnh được đúc ở kinh đô, hình ảnh sông Vĩnh Tế được khắc vào Cao đỉnh dựng ở Thế miếu.

Vua Minh Mạng cũng cho xây đắp các thành, lũy, đồn bảo phục vụ cho việc phòng thủ ở An Giang và tăng cường quân lính đến đồn thú. Năm 1833, vua

“nghĩ địa thế đồn Châu Đốc chật hẹp, chưa được tiện lợi, khiến quan Giám thành theo Tuần phủ Ngô Bá Nhơn nhắm lựa chỗ nào sáng khái và đón được hai ngả sông Tiền, sông Hậu mà dáng đất vừa cân để làm thành tỉnh; rồi lựa được xứ Long Sơn ở về thượng du, địa thế cao ráo, qua lại tiếp ứng, thiết là chỗ hình thế hiểm trở; bèn đem việc ấy tâu lên, Ngài khiến bộ Công đưa đồ thức đắp thành An Giang” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2005: 145). Theo miêu tả của *Đại Nam nhất thống chí*: “thành tỉnh An Giang chu vi 262 trượng, cao 9 thước, mở 3 cửa ở phía trước, phía tả, phía hữu, mặt ngoài trồng tre, bốn mặt đào hào sâu 6 thước, phía ngoài hào đắp đê gọi là đê Hộ Hà, cao 2 thước 7 tấc, địa phận huyện Tây Xuyên. Thành này trước là bảo Châu Đốc, đắp từ năm Gia Long thứ 15, năm Minh Mạng thứ 13 đặt làm ly sở của tỉnh, năm thứ 15 đắp thành đất ở phía đông bảo” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006: 192-193). Ngoài ra, triều đình còn cho xây dựng các ly sở của phủ huyện kiên cố, cho quân đội đến đóng giữ để bảo vệ an ninh, như: ly sở huyện Tuy Hòa, huyện Phong Phú, huyện Hà Dương, phủ Tân Thành, huyện Đông Xuyên, huyện An Xuyên, thành phủ Ba Xuyên... (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006: 193-194). Ở các thủ Tân Châu, Chiến Sai, Hùng Ngự, triều đình đều đặt một viên thủ ngữ và phái một quan to quản binh để điều lãnh công việc chung 3 thủ và lấy trấn binh của thành Gia Định đến thủ.

Tuy nhiên, do đi lại xa, mỗi khi thay đổi lính thú khó khăn nên đến năm 1830, Minh Mạng cho mộ “dân ngoại tịch” lập thành 3 đội An Châu nhất, nhị, tam để phân phái và cho mộ thêm mỗi thủ 50 người để đủ làm việc (theo Cao Thanh Tân, 2009: 259-260). Năm 1834, theo lời tấu của Khâm phái đốc biện công việc 2 tỉnh An - Hà là Đặng Chương cùng với Tổng đốc Trương Minh Giảng, vua Minh Mạng đã cho đắp thêm ở An Giang 3 đồn: đồn Vĩnh Tế và đồn Vĩnh Nguyên ở hai bên sông Vĩnh Tế cách đồn Châu Đốc 5km; đồn Chu Phú đắp cạnh đồn Châu Đốc, đồng thời cho sửa đồn Châu Đốc, đặt thêm súng để bảo vệ (Quốc sử quán triều Nguyễn, (2007, tập 4: 402); Choi Byung Wook (2011: 270-271). Cũng trong thời gian này trước nguy cơ Xiêm xâm lấn, triều đình tăng cường phòng thủ cho An Giang, cho thủ binh ở các thủ chiếu theo tên thủ đều đổi thành đội. Thủ binh ở Tân Châu chia làm hai đội: Tân Châu nhất, nhị; ở An Lạc là đội An Lạc..., mỗi đội 50 người. Năm 1835, triều Nguyễn đưa quân trú đóng ở Trấn Tây nên đất An Giang coi như “nội địa”. Vì thế, dọc tuyến biên giới Châu Đốc chỉ giữ lại những thủ, sở xung yếu: Tân Châu, An Lạc, Chu Giang, Cường Thắng..., còn các thủ, sở Cường Thành, Cường Uy, Thuận Phiếm, Vĩnh Hùng đều cho rút bỏ (theo Cao Thanh Tân, 2009: 262). Tuy nhiên, trong chiến lược của mình, vua Minh Mạng vẫn xem An Giang là địa bàn quan trọng, kết nối và bảo vệ

Trần Tây thành. Như lời dụ của vua năm 1840 “địa hạt An Giang cùng Trần Tây, trong ngoài cùng phải viện trợ cho nhau” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006: 785).

Nói về chiến lược bảo vệ chủ quyền ở vùng đất An Giang thời Minh Mạng, không thể không nhắc đến chiến thắng Vàm Nao - Cổ Hồ vào cuối năm 1833 đầu năm 1834 của quân đội nhà Nguyễn đánh bại cuộc xâm lấn Nam Kỳ của quân Xiêm. Chiến thắng này đã khẳng định sức mạnh của nhà Nguyễn, bảo vệ chủ quyền ở An Giang nói riêng, cũng như Nam Kỳ nói chung. Năm 1833, Lê Văn Khôi khởi binh chống lại triều đình và nhanh chóng làm chủ toàn Nam Kỳ. Minh Mạng phái các tướng Trần Văn Năng, Tống Phúc Lương, Trương Minh Giảng, Nguyễn Xuân, Trần Văn Trí, Trương Phúc Đĩnh đem hơn 1 vạn quân vào đánh dẹp. Sau những khó khăn ban đầu, quân triều đình dần dần thu hồi lại các tỉnh Nam Kỳ. Lê Văn Khôi rút vào cố thủ ở thành Gia Định và cho người sang cầu viện Xiêm. Vua Rama III đang xúc tiến kế hoạch Đông tiến nắm lấy thời cơ đã cho quân tấn công sang phần lãnh thổ phía nam của Đại Nam. Theo Walter F. Villa quân Xiêm đem khoảng 6 vạn quân chia thành 5 đạo quân hùng khuất phục quân đội nhà Nguyễn. Trong đó có cánh quân thứ hai khoảng 1 vạn quân do Chao Phraya Phrakhleng (sử nhà Nguyễn gọi là Phi Nhã Phật Lăng) dẫn đầu, theo đường biển từ vịnh Xiêm La tiến chiếm Hà

Tiên rồi theo sông Vĩnh Tế đánh chiếm Châu Đốc; sau đó tiếp tục hành binh để hội quân với cánh quân thứ nhất của Bodin ở Gia Định (Villa 1957: 97). Tháng 11/1833, quân Xiêm tiến sang xâm lấn Chân Lạp⁽⁶⁾. Quốc vương Chân Lạp là Nặc Chấn hoảng sợ chạy sang An Giang lánh nạn. Với lực lượng áp đảo, Xiêm nhanh chóng chiếm được Hà Tiên, uy hiếp An Giang⁽⁷⁾. Trước tình hình đó, An Giang được triều đình tăng cường 10 chiến thuyền, 2000 cân thuốc súng, 10 cỗ súng quá sơn và cấp cho 80-100 viên đạn cho mỗi khẩu; các viên tướng tài, dạn dày trận mạc được điều đến An Giang cùng hợp sức chống giặc. Cuối năm 1833, Phi Nhã Chát Tri đem hầu hết lực lượng tiến xuống Châu Đốc; tướng Phi Nhã Liêm Cầm Hiên cũng đem đội binh thuyền khoảng 200 chiếc với 6.000 quân cùng đến Châu Đốc. Ở Châu Đốc, Phi Nhã Chát Tri và Phi Nhã Phật Lăng thảo luận về con đường tiến quân sắp tới và thống nhất sẽ theo sông Hậu vào sông Vàm Nao⁽⁸⁾ rồi ra sông Tiền để mở rộng đánh chiếm Nam Kỳ (Villa 1957: 97-98). Quân Xiêm chọn hướng sông Tiền để tiến binh là muốn nhanh chóng đi sâu vào lãnh thổ Nam Kỳ và có thể tiện đường đánh chiếm các tỉnh Vĩnh Long, Định Tường. Theo các cửa sông Tiền đổ ra biển, chúng có thể đến tỉnh Gia Định nhằm hỗ trợ quân nổi dậy của Lê Văn Khôi và tiến tới chiếm cứ cả Nam Kỳ. Quân Xiêm khi đến Vàm Nao, liền lập đồn lũy hai bên bờ nhằm chốt giữ nơi hiểm yếu. Các đồn lũy này cùng lực lượng đóng

ở thành Châu Đốc tạo thành sự đảm bảo chắc chắn từ phía sau để đại quân chúng yên tâm tiến sâu hơn vào lãnh thổ nước ta (Nguyễn Thanh Tuyền, 2022). *Đại Nam thực lục* ghi nhận: Trước đây, giặc Xiêm xâm phạm tỉnh Châu Đốc (An Giang), rồi theo sông Hậu Giang kéo ra Thuận Cảng [Vàm Nao – NĐC], sau đó lập đồn lũy hai bên bờ Vàm Nao để chuẩn bị nghênh chiến với quân nhà Nguyễn. Cùng lúc đó, Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân cũng vừa kéo quân đến. Quân Xiêm đem hơn 100 chiến thuyền vừa lớn, vừa nhỏ ra chống lại. Quân nhà Nguyễn tiến đánh, bắn ngay đại bác vào viên tướng tiên phong là Liên Cẩm Hiên, giặc bèn rút vào trong cảng. Đến canh tư Trương Minh Giảng tung quân đánh úp đến giờ Thìn (khoảng 9-10 giờ sáng) thì hạ được đồn giặc ở tả ngạn, phá hủy 15 tàu, thu nhiều khí giới. Còn đồn hữu ngạn địch chống giữ càng hăng hơn. Trận chiến đang diễn ra quyết liệt thì quân tiếp viện từ Gia Định vừa tới làm tăng thanh thế cho quân nhà Nguyễn. Chỉ trong vòng 1 ngày, quân đội nhà Nguyễn đã hạ được đồn hữu ngạn; quân Xiêm tháo chạy lên chiến thuyền lớn. Quân giặc bắn súng cầm cự, đồng thời cho đặt kè hai bên bờ sông để chống giữ. Nhận thấy quân giặc còn đông và chiều gió không thuận, Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân ra lệnh thu quân (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tập 3: 948).

Chiến thắng Vàm Nao là một chiến công oanh liệt của quân đội nhà Nguyễn ở An Giang. Với lực lượng chỉ

khoảng 1.000 quân nhờ sự mưu trí dũng cảm, quân đội nhà Nguyễn đã đánh bại một đội quân đông hơn nhiều lần (hàng vạn quân, với hơn 100 chiến thuyền lớn nhỏ). Đây là thắng lợi có ý nghĩa quan trọng chặn được đà tiến của quân Xiêm xuống Nam Kỳ, tạo tâm lý để quân đội nhà Nguyễn tiếp tục giành những thắng lợi quyết định quét sạch quân xâm lược Xiêm ra khỏi bờ cõi.

Cuối tháng 1/1834, toàn bộ quân Nguyễn từ Vàm Nao, theo nhánh phụ sông Tiền rút về đóng tại vị trí của Thủ sở Chiến Sai cũ ở ngã ba sông Tiền - sông Cổ Hồ⁽⁹⁾ xây dựng thế trận. Quân Nguyễn dựng đồn đắp lũy hai bên bờ sông Cổ Hồ, bày thuyền chiến chốt giữ trên sông Tiền, lập thành thế trận phòng ngự. Thủy, bộ liên kết vững chắc. Các đạo viện binh cũng lần lượt kéo đến. Bộ binh Xiêm theo bờ bên tả xông đến đánh vào đồn lũy quân Nguyễn. Trận đánh diễn ra từ giờ Tỵ đến giờ Thân (khoảng 9-17 giờ) ngày 25/1/1834 (16/12 năm Minh Mạng thứ 15) Quân Xiêm thương vong nhiều đánh tháo lui. Đêm đó, quân Xiêm lại đến đánh, chia làm nhiều đợt, mãi đến giờ Thìn (7-9 giờ) ngày 26/1/1834 (17/12 năm Minh Mạng thứ 15) mới chịu rút. Qua 6 ngày chiến đấu, quân đội nhà Nguyễn đã bẻ gãy các đợt tấn công của quân Xiêm, giữ vững trận địa (theo Nguyễn Thanh Tuyền, 2022).

Chiến thắng Cổ Hồ là thắng lợi của nghệ thuật phòng ngự kết hợp với phản công của quân đội nhà Nguyễn. Quân triều đình đã dựa vào địa hình

sông nước ở khu vực ngã ba sông Tiền - Cổ Hồ với thủ Chiến Sai đã được xây dựng từ trước đó để kết nối thành thế trận phòng ngự vững chắc và linh hoạt trong việc chuyển đổi sang trạng thái tiến công khi thuận lợi. Chiến thắng này làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, từ đây ưu thế thuộc về quân đội nhà Nguyễn, thế và lực lên cao giúp quân đội nhà Nguyễn quét sạch quân Xiêm khỏi lãnh thổ Nam Kỳ.

4. KẾT LUẬN

An Giang là vùng đất biên viễn phía Tây thường xuyên bất ổn nên nơi đây đã được chính quyền chúa Nguyễn (thế kỷ XVIII) và vua Gia Long (đầu thế kỷ XIX) quan tâm đặc biệt.

Dưới thời trị vì của vua Minh Mạng, tỉnh An Giang là một mắt xích quan trọng trong chính sách phát triển kinh tế, ổn định xã hội miền tây Nam Kỳ cũng như bảo vệ chủ quyền của đất

nước, tạo ảnh hưởng đối với các lân bang. Ở vùng đất biên cảnh, dấu ấn chiến lược vua Minh Mạng đối với An Giang tương đối đặc biệt. Việc hoàn thiện hai con kênh lớn: Thoại Hà và Vĩnh Tế, cùng với hệ thống kênh rạch kết nối là một dấu ấn rất riêng trong chiến lược xây dựng, bảo vệ vùng đất An Giang so với các khu vực khác ở Nam Kỳ. Đến bây giờ, hai công trình này vẫn còn giá trị lớn về các mặt trị thủy, giao thông, thương mại, biên phòng, thể hiện sức lao động sáng tạo của các cộng đồng cư dân nơi đây và chính sách coi trọng thủy lợi để phát triển nông nghiệp của triều Nguyễn. Chiến lược biên giới tại An Giang của nhà Nguyễn đã tạo tiền đề cho chiến thắng Vàm Nao - Cổ Hồ, đập tan tham vọng của người Xiêm trong việc mở rộng lãnh thổ sang Nam Kỳ, tạo thế cân bằng chiến lược giữa Đại Nam - Xiêm trong khu vực ở nửa đầu thế kỷ XIX. □

CHÚ THÍCH

(1) Về sự kiện sáp nhập vùng đất Tầm Phong Long có thể tham khảo thêm: Lê Hương (1970: 173-174); *Đại Việt sử ký tục biên* (1676-1789: 248); Lê Quý Đôn (2021: 66); Phan Khoang (2001: 338-339); Trần Thị Mai (2008); Phan Huy Lê (2017: 485); Đỗ Quỳnh Nga (2021: 164-165)...

(2) Năm Mậu Dần (1698), khi Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý, thành lập phủ Gia Định đã bao gồm 2 dinh là Trấn Biên và Phiên Trấn (Trịnh Hoài Đức, 2019: 289). Khi chúa Nguyễn Phúc Khoát xưng vương chia cả nước thành 12 dinh, khu vực nay là Nam Bộ có 3 dinh (Trấn Biên dinh, Phiên Trấn dinh và Long Hồ dinh) và 1 trấn là Hà Tiên (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002: 153). Năm 1808, vua Gia Long cho đổi các dinh thành trấn cùng với trấn Hà Tiên trở thành "ngũ trấn" thuộc Gia Định thành.

(3) Địa giới Phủ Ba Xuyên chủ yếu thuộc tỉnh Sóc Trăng hiện nay.

(4) Không hiểu lý do vì sao trong địa bạ được lập năm 1836 của An Giang không có chép về phủ Ba Xuyên, trong khi trước đó *Đại Nam nhất thống chí* đã ghi chép kỹ về địa giới và các huyện lệ thuộc (xem: Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006: 189-191).

(5) Đoạn này *Đại Nam thực lục* có sự nhầm lẫn, theo *Đại Nam nhất thống chí* và *Đại Việt địa dư toàn biên* thì đến năm Minh Mạng thứ 16 (1835), vua Minh Mạng mới cho cắt huyện Vĩnh Định của tỉnh Vĩnh Long qua tỉnh An Giang thuộc phủ Ba Xuyên mới thành lập, (xem: Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006: 184; Nguyễn Văn Siêu, 1997: 294).

(6) Theo Marcel Gaultier (2021: 107): vào tháng 11 âm lịch (tháng 12/1833) triều đình Xiêm La cử 3 đạo quân đến Nam Kỳ. Đạo thứ nhất do tướng Chắt Tri chỉ huy vượt qua biên giới Do-Suc gần Battambang. Đạo quân thứ hai do tướng Thiệp-Mang chỉ huy xuôi theo sông Mekong. Đạo quân thứ ba đi theo đường biển từ Chân-Bôn. Trong *Khâm định tiểu bình Nam Kỳ nghịch phi phương lược chính biên*, từ cuối tháng 11 âm lịch (1833), khi nghe tin quân Xiêm có ý định xâm phạm biên cảnh, vua Minh Mạng đã sai Định Tường, Vĩnh Long lấy thóc trong kho 5.000 hộc xay thành gạo chở đến An Giang. Ngày 20/11 (âm lịch) theo lời tâu của Hà Tiên Hộ lý Tuần phủ Trịnh Đường: "Tiếp tỉnh An Giang tư thông cấp tốc báo thám tử giặc Khôi đưa thư xin vua Xiêm đưa quân đánh Cao Miên thẳng đến thành Gia Định cho nên vua Xiêm phái Phi Nhã Lục Khôn, Phi Nhã Lâm Phần Pha Nha, Phi Nhã Bắc Nôm, Phi Nhã Chôm Bôn, Phi Nhã Thông Dy theo hướng biển mà đi. Châu Phi Nhã Phạt Lăng làm điều Vát thủy binh" (Cơ mật viện - Nội các triều Nguyễn, 2012: 1228-1229).

(7) Về diễn biến trận Vàm Nao, tham khảo: Cơ mật viện - Nội các triều Nguyễn (2012: 1228); Nguyễn Thanh Tuyền (2022); Walter F. Villa (1957: 97).

(8) Trong *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức (2019: 105) cho biết sông Vàm Nam tục gọi là Vàm Náo, chữ Náo không đúng nay đổi là Nao, nên gọi là Vàm Nao (Trịnh Hoài Đức, 2019: 105). Phạm Hoàng Quân chú thích như sau: "Vàm Nao, nay gọi là sông Vàm Nao, ranh giới tự nhiên giữa huyện Chợ Mới với huyện Phú Tân, tỉnh An Giang" (Trịnh Hoài Đức, 2019: 236). Trong *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* Lê Quang Định (2005: 105) còn nói rõ con sông này thành hai phần và gọi là rạch Vàm Nao Thượng và rạch Vàm Nao Hạ. *Đại Nam nhất thống chí* thì gọi là sông này Hôi Oa (nước xoáy) vì nước ở đây chảy vòng thành xoáy, do nước sông Tiền Giang và Hậu Giang giao hội với nhau (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006: 203). Theo Vương Hồng Sển (1999: 633) sau này triều đình Huế cho Hán hóa tên Vàm Nao và muốn cho nên thơ và đùng "nao" nữa, nên ban cho cái tên "Cửa Thuận". Vì vậy trong các văn bản của nhà Nguyễn từ thời Minh Mạng trở đi sông này được ghi là Cửa Thuận, hay Thuận Cảng.

(9) Sông Trà Thôn, thời Nguyễn còn gọi sông Cổ Hồ, sông Tú Điền (ngày nay gọi là kênh Trà Thôn), là con sông nằm ở phía nam sông Tiền, chảy theo hướng tây nam, điểm đầu thông với sông Tiền, điểm cuối thông với sông Ông Chường (sông Lễ Công). Ngày nay, kênh Trà Thôn có chiều dài 4,2km, chảy qua địa phận hai xã Long Điền A và Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Cao Thanh Tân. 2009. *Lịch sử khai phá và bảo vệ chủ quyền vùng đất Châu Đốc thời Nguyễn*. Hà Nội: Nxb. Quân đội Nhân dân.
2. Choi Byung Wook. 2011. *Vùng đất Nam Bộ dưới triều Minh Mạng*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
3. Cơ mật viện – Nội các triều Nguyễn. 2012. *Khâm định tiểu bình Nam Kỳ nghịch phi phương lược chính biên*. Viện Sử học dịch. Hà Nội: Nxb. Giáo dục Việt Nam.

4. Đỗ Kim Trường. 2022. *Hồng Ngự vài nét về con người và vùng đất*. Biên Hòa: Nxb. Đồng Nai.
5. Đỗ Quỳnh Nga. 2021. *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn* (tái bản lần 2). Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
6. Lê Hương. 1970. *Sử Cao Miên*. Sài Gòn: Nxb. Khai Trí.
7. Lê Quang Định. 2005. *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. Phan Đăng dịch. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
8. Lê Quý Đôn. 2021. *Phủ biên tạp lục*. Trần Đại Vinh dịch. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
9. Marcel Gaultier. 2021. *Vua Minh Mạng*. Đỗ Hữu Hạnh dịch. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.
10. Nguyễn Đình Cơ. 2020. "Vùng đất Tây Ninh trong chiến lược giữ vững an ninh biên giới của chính quyền chúa và vua nhà Nguyễn (Thế kỷ XVII - nửa đầu thế kỷ XIX)". *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 3 (527).
11. Nguyễn Đình Đầu. 1994. *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: An Giang*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
12. Nguyễn Thanh Tuyên. 2022. "Chiến thắng Vàm Nao - Cổ Hồ trong kháng chiến chống quân Xiêm cuối năm 1833 đầu năm 1834 dưới triều Nguyễn". *Sugia.vn*. truy cập ngày 16/3/2022.
13. Nguyễn Thế Anh. 2008. *Kinh tế và xã hội Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
14. Nguyễn Văn Hào. 1970. "Sự thôn thuộc và khai thác đất Tầm Phong Long". *Tạp san Sử Địa*, số 19-20. Sài Gòn: Nxb. Khai Trí.
15. Nguyễn Văn Siêu. 1997. *Đại Việt địa dư toàn biên*. Hà Nội: Viện Sử học - Nxb. Văn hóa.
16. Phan Huy Lê. 2017. *Vùng đất Nam Bộ - Quá trình hình thành và phát triển* – Tập 1. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
17. Phan Khoang. 2001. *Việt sử: Xứ Đàng Trong (1558 - 1777)*. Hà Nội: Nxb. Văn học.
18. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2002. *Đại Nam thực lục* – Tập 1. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
19. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2005. *Quốc triều chính biên toát yếu* – Tập 1. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
20. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2006. *Đại Nam nhất thống chí* – Tập 5. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
21. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007. *Đại Nam thực lục* – Tập 2 - 6. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
22. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2009. *Minh Mệnh chính yếu*. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
23. Trịnh Hoài Đức. 2019. *Gia Định thành thông chí*. Phạm Hoàng Quân dịch. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
24. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. 2013. *Địa chí An Giang*. Tỉnh ủy An Giang.
25. Villa, Walter F. 1957. *Siam under Rama III (1824-1851)*. New York: J.J. Augustin Publisher.
26. Vương Hồng Sển. 1999. *Tự vị tiếng Việt miền Nam*. TPHCM: Nxb. Trẻ.